

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ G
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **69** /2017/DS-ST;
Ngày: 14/6/2017;
V/v Tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ G**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Công**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/Ông **Bành Quốc Trung**.

2/Ông **Phan Tuấn Trường**.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Trần Thị An Thư** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:

Bà **Phạm Thị Kim Trinh** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 6 năm 2017 lúc 9 giờ tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 33 /2017/TLST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2017 về việc Tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2017/QĐST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Trần Văn Đ**, sinh năm: 1953 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp P, xã Y, huyện G1, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: **Nguyễn Thị Thu T**, sinh năm: 1977 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp H, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Trần Văn Đ trình bày theo nội dung đơn khởi kiện ngày 28 tháng 3 năm 2017 như sau:

Ngày 10 tháng 3 năm 2016, tôi có đưa cho chị Nguyễn Thị Thu T vay số tiền là 40.000.000 đồng. Kỳ hạn vay 01 năm kể từ ngày ký hợp đồng vay tài sản. Lãi suất vay do 02 bên tự thỏa thuận. Mục đích vay kinh doanh. Địa điểm, phương thức trả nợ do 02 bên thỏa thuận.

Hợp đồng vay tài sản đã được Văn phòng Công chứng P chứng nhận ngày 10/3/2016.

Sau đó, tôi và chị T đã thỏa thuận lãi suất là 01 % trên tháng, tức mỗi tháng chị T trả cho tôi tiền lãi 400.000đ/tháng.

Chị T có trả lãi cho tôi được có 06 tháng (tháng 4, 5, 6, 7, 8, 9 năm 2016) rồi ngưng trả lãi, cũng không trả vốn lại cho tôi, mặc dù kỳ hạn vay đã hết vào ngày 10/3/2017.

Nay tôi yêu cầu chị Nguyễn Thị Thu T trả lại cho tôi số tiền vốn vay là 40.000.000 đồng, cộng với tiền lãi suất theo quy định của pháp luật, tạm tính là 1% trên tháng tức 400.000đ/tháng tính từ ngày 10/10/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm và thực hiện khi án có hiệu lực pháp.

Ngày 06 tháng 6 năm 2017 ông Trần Văn Đ có đơn xin rút 01 phần đơn khởi kiện, cụ thể: Xin rút toàn bộ phần yêu cầu tính lãi suất trên số tiền vốn là 40.000.000 đồng. Như vậy ông Đ chỉ còn yêu cầu chị T trả tiền vốn là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

Bị đơn Nguyễn Thị Thu T trình bày tại bản tự khai ngày 18 tháng 4 năm 2017 như sau:

Vào ngày 10 tháng 3 năm 2016 tôi có vay số tiền 40.000.000 đồng của ông Trần Văn Đ, lập văn bản tại phòng Công chứng P. Mục đích vay tiền để làm vốn buôn bán, nhưng do làm ăn thất bại đến hết hạn hợp đồng vay là đúng một năm, nhưng tôi chưa để được vốn gốc 40.000.000 đồng, lãi tính theo thỏa thuận thì tôi có trả mỗi tháng là 3.300.000 đồng, trả được 06 tháng từ tháng 4 đến tháng 9 năm 2016.

Nay ông Đ yêu cầu tôi trả vốn và lãi, tôi đồng ý trả vốn 40.000.000 đồng, xin mỗi tháng trả 1.000.000 đồng; đối với tiền lãi xin không phải trả nữa, vì trả quá nhiều theo thỏa thuận.

Ngày 03 tháng 5 năm 2017 chị Nguyễn Thị Thu T khởi kiện phản tố, chị cho rằng chị đã trả tiền lãi cho ông Đ được 06 tháng lãi bằng 19.800.000 đồng. Cho nên chị T có đơn phản tố yêu cầu Tòa án tính lại mức lãi suất theo quy định của pháp luật, số tiền lãi mà chị trả cho ông Đ có dư thì trừ vào tiền vốn.

Ngày 17 tháng 5 năm 2017 chị Nguyễn Thị Thu T có đơn xin rút lại toàn bộ nội dung đơn phản tố.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Xét thấy từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng có thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Trần Văn Đ. Buộc bị đơn Nguyễn Thị Thu T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Trần Văn Đ số tiền 40.000.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn Trần Văn Đ đã rút và đình chỉ xét xử đối với phần phản tố của bị đơn Nguyễn Thị Thu T đã rút.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Xét thấy Tòa án thụ lý vụ án dân sự có thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đây là loại tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Tại phiên tòa, nguyên đơn Trần Văn Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu đòi bị đơn Nguyễn Thị Thu T trả số tiền vốn là 40.000.000 đồng; về phần tiền lãi thì ông Đ xin rút lại toàn bộ yêu cầu tính lãi suất.

Chị Nguyễn Thị Thu T xin rút lại toàn bộ yêu cầu của đơn phản tố.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Văn Đ đòi bị đơn Nguyễn Thị Thu T trả cho ông số tiền là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) là có căn cứ pháp luật.

Bởi lẽ, ông Trần Văn Đ có chứng minh 01 hợp đồng vay tài sản không có biện pháp bảo đảm ghi ngày 10 tháng 03 năm 2016, tại trụ sở Văn phòng Công chứng P, số 139, đường Nguyễn Trọng D, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang (chứng thực bản sao đúng với bản chính). Nội dung là ông Trần Văn Đ cho chị Nguyễn Thị Thu T vay số tiền là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng). Thời hạn vay là 01 năm kể từ ngày ký hợp đồng vay. Lãi suất vay do hai bên tự thỏa

thuận, phù hợp với quy định của pháp luật. Mục đích vay và sử dụng là kinh doanh. Địa điểm, phương thức trả nợ do hai bên tự thỏa thuận.

Chị Nguyễn Thị Thu T có thừa nhận là có thực hiện hợp đồng vay tài sản không có biện pháp bảo đảm, ghi ngày 10/3/2016 như bên ông Trần Văn Đ đã trình bày.

Như vậy, hai bên đã có thống nhất về số tiền vốn vay là 40.000.000 đồng, chỉ còn tranh chấp về thời gian trả nợ.

Do hợp đồng vay tài sản được xác lập theo quy định Bộ luật Dân sự năm 2005, đến nay chưa thực hiện mà có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết.

Đối với yêu cầu tính lãi suất, mặc dù tại đơn khởi kiện ngày 28 tháng 3 năm 2017 ông Trần Văn Đ đã yêu cầu Tòa án giải quyết tính lãi suất, nhưng đến ngày 06 tháng 6 năm 2017 và tại phiên tòa ông Trần Văn Đ có đơn xin rút lại toàn bộ phần yêu cầu tính lãi suất.

Đối với yêu cầu tính lại lãi suất, mặc dù tại đơn phản tố ngày 03 tháng 5 năm 2017 chị Nguyễn Thị Thu T đã yêu cầu Tòa án giải quyết tính lại mức lãi theo quy định của pháp luật để khấu trừ vào tiền lãi mà chị đã trả trước, nhưng đến ngày 17 tháng 5 năm 2017 và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Thu T có đơn xin rút lại toàn bộ yêu cầu đơn phản tố.

Trên cơ sở nhận định, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Đ về việc đòi chị Nguyễn Thị Thu T trả số tiền là 40.000.000 đ (Bốn mươi triệu đồng).

Buộc chị Nguyễn Thị Thu T có nghĩa vụ trả số tiền là 40.000.000 đ (Bốn mươi triệu đồng) cho ông Trần Văn Đ. Về thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật là hợp lý.

Xét thấy, việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông Trần Văn Đ và chị Nguyễn Thị Thu T về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện và yêu cầu phản tố; nếu sau này ông Đ và chị T khởi kiện lại và thời hiệu khởi kiện vẫn còn thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Ông Đ và chị T không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu án phí sơ thẩm là 2.000.000 đồng.

Xét thấy đại diện Viện kiểm sát đề nghị có cơ sở phù hợp với phần nhận định, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào Điều 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Buộc chị Nguyễn Thị Thu T có nghĩa vụ trả lại cho ông Trần Văn Đ số tiền là 40.000.000 đ (Bốn mươi triệu đồng).

Về thời gian thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông Trần Văn Đ về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chị Nguyễn Thị Thu T về việc rút toàn bộ yêu cầu phản tố.

Nếu sau này ông Trần Văn Đ và chị Nguyễn Thị Thu T khởi kiện lại và thời hiệu khởi kiện vẫn còn thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Về án phí sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 2.000.000đ (Hai triệu đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 495.000đ (Bốn trăm chín mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 41791 ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Cơ quan Thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Tiền Giang, như vậy chị T còn phải nộp 1.505.000đ (Một triệu năm trăm lẻ năm ngàn đồng).

Ông Trần Văn Đ được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.050.000đ (Một triệu không trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 41690 ngày 28 tháng 3 năm 2017 của Cơ quan Thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án.
Án tuyên kết thúc cùng ngày.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện KSTX G;
- Chi cục THATX G;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TRẦN VĂN CÔNG

